

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/
sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý cạnh tranh, An toàn thực phẩm,
Lưu thông hàng hóa trong nước, Kinh doanh khí, Hóa chất
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/
UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 15/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30/6/2016 của Bộ Công Thương về Ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung;

Căn cứ Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 480/TTr-SCT ngày 19/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực An toàn thực phẩm, lĩnh vực Quản lý cạnh tranh; 33 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, lĩnh vực Hóa chất, lĩnh vực Kinh doanh khí; 07 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực An toàn thực phẩm; lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa (Có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Công Thương xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 06/7/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VP Chính phủ (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Sở Thông tin & Truyền thông (Cổng DVC tỉnh);
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI BỔ SUNG/ BỊ BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG/UBND CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVCQG)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
I. Lĩnh vực: Quản lý cạnh tranh					
1	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (2.000191.000.00.00.H56)	Chậm nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Không thu phí.	- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH11 ngày 17/11/2010 - Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; - Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hoá, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Quyết định số

					35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg; - Quyết định số 38/2018/QĐ-TTg ngày 05/9/2018 sửa đổi Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013 của Bộ Công Thương về ban hành mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.
II	Lĩnh vực: An toàn thực phẩm				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (2.000591.000.00.00.H56)	Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở. - Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày		- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Không thu phí. - Trường hợp cấp lại	

	Công Thương thực hiện (2.000535.000.00.00.H56)	nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”. - Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: + Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; + Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. - Trường hợp cấp lại do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu phí. - Trường hợp thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu phí.	doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; - Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					

I. Lĩnh vực: An toàn thực phẩm				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (cấp huyện). (2.000591.000.00.00.H56)	Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện; - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 500.000đồng/lần/cơ sở. - Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (cấp huyện). (2.000535.000.00.00.H56)	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”. - Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Không thu phí. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: + Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; + Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. - Trường hợp cấp lại do thay đổi tên cơ sở	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,

		ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu phí. - Trường hợp thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu phí.	quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; - Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
--	--	---	--	---	---

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

- Sửa đổi 02/02 thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước tại Quyết định số 5262/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lưu thông hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa;

- Sửa đổi 19/31 thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, Hóa chất tại Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công Thương/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa;

- Sửa đổi 09/09 thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa, 03/27 thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh doanh khí tại Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DCQG)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
I. Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá. (2.000637.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá năm 2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá. 2.000640.000.00.00.H56	1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.		

		điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá hết hiệu lực thi hành: Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ.			doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/ 2019 của Bộ Công Thương sửa	
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá. (2.000197.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.		- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý

					đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.	
4	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá. (2.000626.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn .	Phí thẩm định: - Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá năm 2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.

				doanh/lần thăm định.	của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;	
5	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (2.000622.000.00.00.H56)	- Trường hợp cấp lại do Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy, bị rách, bị cháy: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá hết hiệu lực thi hành: trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	1. Trường hợp cấp lại do Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy, bị rách, bị cháy: Không thu phí. 2. Trường hợp cấp lại do Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá hết hiệu lực thi hành: Phí thăm định: - Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định - Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.	- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư	

					kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/ 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá,	
--	--	--	--	--	---	--

					dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (2.000204.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	<i>Phí thẩm định (nếu có):</i> - Tại khu vực thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá năm 2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.

					hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/ 2019 của	
--	--	--	--	--	--	--

					Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
7	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (2.000190.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).	Phí thẩm định: - Khu vực thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá năm 2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.

			- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	doanh/lần thăm định - Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.	27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;	
8	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (2.000167.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Trường hợp cấp lại do Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy, bị rách, bị cháy: Không thu phí. - Trường hợp cấp lại do Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá hết hiệu lực thi hành: Phí thăm định: + Khu vực thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định + Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.	- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.

9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. (2.000176.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ.		- Phí thẩm định + Khu vực thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/ 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
---	--	--	--	--	---	---

					ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
10	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm). (2.001646.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến:	- Phí thẩm định: 2.200.000 đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/ 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
11	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (2.001630.000.00.00.H56)	- Trường hợp Giấy phép bị mất, bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Trường hợp cấp lại do Giấy phép bị mất, bị hỏng: Không thu phí. - Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết hiệu lực thi hành: 2.200.000 đồng/lần thẩm định.	- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.

12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (2.001636.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		- Phí thẩm định 2.200.000 đ/lần thẩm định.	Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
13	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. (2.001624.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Phí thẩm định + Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/ 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.
14	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (2.000636.000.00.00.H56)	- Trường hợp Giấy phép bị mất, bị hỏng, bị rách, bị tiêu cháy: thời hạn giải quyết 07 ngày làm việc; - Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: thời hạn giải quyết 15 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Trường hợp cấp lại do Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy, bị rách, bị cháy: Không thu phí. - Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết hiệu lực thi hành: phí thẩm định:	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.

				+ Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
15	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. (2.001619.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	- Phí thẩm định: + Khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/ 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý

					nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
II. Lĩnh vực: Hóa chất						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. (2.001547.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số	- Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001175.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Phí thẩm định: 600.000 đồng		
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công	Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ.		Phí thẩm định: 600.000 đồng		

	nghiệp. (2.001172.000.00.00.H56)				32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.002758.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;	- Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. (2.001161.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư	

6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.000652.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ.		Phí thẩm định 600.000 đồng	kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	
---	--	--	--	-------------------------------	--	--

IV. Lĩnh vực: Kinh doanh khí

1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (2.000142.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	1. Đối với doanh nghiệp, HTX a) Đóng trên địa bàn thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: - Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; b) Đóng trên địa	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh	- Thành phần hồ sơ; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (2.000166.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				

3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG. (2.000354.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	bàn các huyện: - Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; 2. Đối với hộ kinh doanh: a) Đóng trên địa bàn thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: - Phí thẩm định: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; b) Đóng trên địa bàn các huyện: - Phí thẩm định: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
---	--	--	--	--	---	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước

1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. (2.000633.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần thẩm định.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/ 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
---	--	--	--	--	---	---

2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. (1.001279.000.00.00.H56)	- Trường hợp Giấy phép bị mất, bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Phí thẩm định: 1.100.000 đ/lần thẩm định.	17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. 2.000629.000.00.00.H56	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Phí thẩm định: 1.100.000 đ/lần thẩm định		- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	<i>1. Đối với doanh nghiệp, HTX</i> a) Đóng trên địa bàn thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định; b) Đóng trên địa bàn các huyện:	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/ 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.
5	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (2.001240.000.00.00.H56)	- Trường hợp cấp lại do Giấy phép bán lẻ rượu bị mất, bị tiêu hủy, bị rách, bị cháy: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				

		lệ. - Trường hợp cấp lại do Giấy phép bán lẻ rượu hết hiệu lực thi hành: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hồ sơ hợp lệ.		- Phí thẩm định: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; <i>2. Đối với hộ kinh doanh</i> a) Đóng trên địa bàn thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: Phí thẩm định: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; b) Đóng trên địa bàn các huyện: - Phí thẩm định: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu do (2.000615.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện. - Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn			- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.
7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000181.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	<i>1. Đối với doanh nghiệp, HTX</i> a) Đóng trên địa bàn thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; b) Đóng trên địa bàn các huyện:	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá năm 2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
8	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000150.000.00.00.H56					
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. (2.000162.000.00.00.H56)					

				- Phí thẩm định: 600.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định; 2. Đối với hộ kinh doanh a) Đóng trên địa bàn thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: Phí thẩm định: 400.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định; b) Đóng trên địa bàn các huyện: - Phí thẩm định: 200.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/ 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương	
--	--	--	--	--	--	--

					quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.	
--	--	--	--	--	--	--

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

- Bãi bỏ 04/06 thủ tục hành chính tại Quyết định số 5269/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa;

- Bãi bỏ 03/25 thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tại Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
Lĩnh vực: An toàn thực phẩm			

1	1.005658	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
2	1.005663	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực: An toàn thực phẩm

1	1.005672	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
2	1.005677	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện	

II. Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước

1	2.001235.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
2	2.001231.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
3	1.002956.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	